

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRỰC NINH  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/DS - ST  
Ngày 01 - 3 - 2024  
V/v Tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*  
Ông Nguyễn Văn Chuyết  
Ông Vũ Văn Phong

*Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2023/DS - ST ngày 25/10/2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị R, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Xóm N1, xã V, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Trần Thị T2 – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Xóm Đ, xã V, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt bà Trần Thị R, bà Trần Thị T2. Vắng mặt bà Hoàng Thị L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Trần Thị R trình bày:*

Do mối quan hệ quen biết nên từ tháng 4/2029 đến tháng 01/2020, bà có cho bà L vay tiền, vay hộ tiền, vàng bà lựa và bán thóc, gà, chó, chuối cho bà L cụ thể như sau:

1. Thóc, cám gạo:
- Ngày 02/4/2019; 156 kg thóc tạp giao = 1.248.000 đồng.
  - 289 kg thóc tám chiêm = 2.890.000 đồng
  - Ngày 06/4/2019; 255 kg thóc nếp cao = 3.060.000 đồng.
  - 20 kg thóc nếp cũ = 240.000 đồng
  - Tháng 03/2019; 60,5 kg thóc nếp giống và tháng 09/2019; 6,5 kg thóc nếp giống 2 loại = 798.000 đồng
  - Ngày 06/7/2019; 36 kg thóc thiên hương và ngày 07/8/2019; 36 kg thóc BC, 02 loại 72 = 648.000 đồng
  - 45 kg cám gạo x 50.000đ/yến = 215.000 đồng
  - Ngày 02/9/2019, 16,5 kg cám gạo = 90.000 đồng
  - Ngày 20/10/2019, 280 kg thóc tám mùa = 3.360.000 đồng
  - 103 kg thóc tám chiêm = 1.236.000 đồng
  - Ngày 10/11/2019; 42,5kg thóc nếp = 382.000 đồng
2. Chó, gà, chuối:
- Tháng 3/2019; 01 con chó 15kg = 1.500.000 đồng
  - Tiền bán chuối = 100.000 đồng
  - Ngày 20/12/2019; gà 15,5 kg = 2.325.000 đồng
  - Ngày 22/12/2019; gà trống 7,7 kg = 1.155.000 đồng
  - gà mái 2,2 kg = 264.000 đồng
- Tổng số tiền bán thóc, cám gạo, gà, chó, chuối bà L còn nợ bà: 19.511.000 đồng.

3. Tiền cho vay và vay hộ bà L:
- Ngày 13/06/2019 vay hộ 5.000.000 đồng
  - Ngày 13/8/2019 cho vay 2.000.000 đồng
  - Ngày 15/8/2019 cho vay 4.000.000 đồng
  - Ngày 22/8/2019 vay hộ 6.000.000 đồng
  - Ngày 10/08/2019 vay hộ 6.000.000 đồng
  - Ngày 06/9/2019 vay hộ 2.000.000đồng
  - Ngày 05/10/2019 vay hộ 1.000.000 đồng
  - Ngày 07/10/2019 cho vay 1.400.000 đồng
  - Ngày 08/10/2019 vay hộ 1.000.000 đồng
  - Ngày 20/10/2019 cho vay 2.400.000 đồng
  - Ngày 21/11/2019 cho vay 3.000.000 đồng
  - Tối 28 tết năm 2019 vay hộ 2.000.000đồng
  - Tối 29 tết năm 2019 vay hộ 2.500.000đồng
  - Ngày 30/11/2019 vay hộ 7.000.000 đồng
  - Ngày 12/12/2019 vay hộ 8.000.000 đồng
  - Ngày 28/12/2019 cho vay 2.500.000 đồng
  - Ngày 12/01/2020 cho vay 2.000.000 đồng
- Tổng cộng là 57.800.000 đồng (Trong đó ngày 05/11/2019 bà L đã trả bà 700.000đồng). Bà L còn nợ bà chưa trả là 57.100.000 đồng

4. Vàng:
- Ngày 08/9/2019 cho bà L vay 1,5 chỉ 9999, hiệu vàng Đức Kham
  - Ngày 11/11/2019 cho bà L vay 01 chỉ 9999, hiệu vàng Đức Kham.

Bà L còn nợ bà tổng số vàng là 2,5 chỉ vàng 9999, hiệu vàng Đức Kham

Nay bà đề nghị Toà án buộc bà Hoàng Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà tổng số tiền là 76.611.000 đồng (Trong đó; khoản tiền vay và vay hộ bà L là 57.100.000 đồng tính lãi suất từ tháng 01/2020 là 10%/năm) và 2,5 chỉ vàng 9999, bà không yêu cầu tiền lãi vàng.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Trần Thị T2 có lời khai đúng như bà R đã trình bày ở trên.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2023, bị đơn là bà Hoàng Thị L trình bày:* Bà thừa nhận việc bà có nợ tiền; mua thóc, gà, cám, chó của bà L là đúng như yêu cầu khởi kiện của bà R với tổng số tiền 76.611.000 đồng. Về số vàng bà chỉ nhớ là vay bà R 2,2 chỉ vàng 9999 hiệu Đức Kham, bà không có tài liệu gì giao nộp, giấy vay bà R cầm. Bà nhận trách nhiệm trả dần cho bà R số tiền + vàng nêu trên.

Bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án về việc bà Trần Thị R có đơn khởi kiện đòi nợ đối với bà. Nhưng vì lý do công việc nên bà không đến Tòa án trình bày quan điểm, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa:

Bà Trần Thị T2 – Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích của bà R trình bày: Bà Trần Thị R vẫn giữ nguyên đơn yêu cầu khởi kiện đối với bà Hoàng Thị L và đề nghị Toà án nhân dân huyện Trục Ninh buộc bà L trả cho bà R tổng số tiền là 76.611.000 đồng (Trong đó; khoản tiền vay và vay hộ bà L là 57.100.000 đồng tính lãi suất từ tháng 01/2020 là 10%/năm) và 2,5 chỉ vàng 9999, bà R không yêu cầu tiền lãi vàng.

Bà Trần Thị R nhất trí như lời khai và trình bày của bà Trần Thị T2 tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn, đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS; bị đơn là bà Hoàng Thị L nhiều lần vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa là đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà R; Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Hoàng Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị R tổng số tiền còn nợ là 76.611.000 đồng và tiền lãi suất tính theo quy định của pháp luật (trong khoản tiền 57.100.000 đồng tiền cho vay và vay hộ bà L) và 2,5 chỉ vàng 9999, tính giá trị vàng tại thời điểm xét xử tương ứng với số tiền phải trả.

Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX tuyên theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc bà Trần Thị R khởi kiện yêu cầu đòi nợ bà Hoàng Thị L. Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, TAND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng pháp luật. Nguyên đơn, đã chấp hành nghiêm chỉnh về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS; Bị đơn là bà Hoàng Thị L nhiều lần vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa đã vi phạm về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

Việc Tòa án tiếp tục mở phiên tòa khi bà Hoàng Thị L vắng mặt lần thứ 2 không có lý do là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung :

Căn cứ vào lời khai của các bên và sổ ghi nợ giữa bà Trần Thị R và bà Hoàng Thị L. HĐXX xét thấy; Tại bản tự khai của bà Trần Thị R đã trình bày về thóc, cám gạo, gà, chó, chuối bà R đã bán cho bà L đã tính thành tiền chưa trả bà R và tiền bà R cho bà L vay và vay hộ bà L, tổng số tiền là 76.611.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai của bà L ngày 19/12/2023, bà L đã xác nhận như yêu cầu khởi kiện của bà R về số tiền bà còn nợ bà R, tổng cộng là 76.611.000 đồng. Bà L nhận trách nhiệm trả dần cho bà R.

Về số vàng; Bà R khai vay hộ bà L 02 lần tổng là 2,5 chỉ vàng 9999, hiệu Đức Kham, đến nay bà L chưa trả bà R: Tại biên bản lấy lời khai của bà L ngày 19/12/2023 bà L chỉ nhận có vay của bà R 02 lần tổng là 2,2 chỉ vàng 9999, hiệu Đức Kham. Tuy vậy, bà L không có tài liệu chứng minh về việc vay 2,2 chỉ vàng. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án R xuất trình “*giấy biên nhận ngày 08/9/2019 và ngày 11/11/2019*” thể hiện nội dung bà R cho bà L vay hai lần tổng là 2,5 chỉ vàng 9999, hiệu Đức Kham, đều có chữ ký của bà L. Do vậy, bà R yêu cầu bà L phải trả bà 2,5 chỉ vàng 9999 là có căn cứ. Vì vậy, các quan điểm ý kiến của bà L về số vàng không được HĐXX chấp nhận.

Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy đã có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị R.

Buộc bà Hoàng Thị L phải có trách nhiệm trả bà Trần Thị R các khoản tiền cụ thể:

- Tiền bà R bán thóc, cám gạo, chó, gà, chuối cho bà L, tổng là 19.511.000

đồng;

- Tiền bà R cho bà L vay và vay hộ bà L, tổng số tiền là 57.100.000 đồng và lãi suất tính từ tháng 01/2020 đến nay. Cụ thể: tiền gốc 57.100.000 đồng; Tiền lãi  $10\%/năm = 0,83 \times 57.100.000 \text{ đồng} \times 49 \text{ tháng} = 23.322.000 \text{ đồng}$ . Tổng là 80.422.000đồng;

- Vàng; Giá vàng tại thời điểm xét xử (ngày 01/03/2024) tương ứng với số tiền là 6.295.000 đồng/01 chỉ vàng 9999.

2,5 chỉ vàng 9999 x 6.295.000 đồng/01 chỉ = 15.737.500đồng.

Buộc bà L phải trả cho bà R tổng số tiền là 115.670.500đồng (*một trăm mười năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn năm trăm đồng*)

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí. Cụ thể:  $115.670.500\text{đồng} \times 5\% = 5.783.000\text{đồng}$  (lấy tròn).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị R đối với bà Hoàng Thị L;

Buộc bà Hoàng Thị L phải có trách nhiệm trả bà Trần Thị R các khoản tiền.

Cụ thể:

- Tiền vay gốc là 57.100.000 đồng; tiền lãi là 23.322.000đồng;

- Tiền thóc, cám gạo, chó, gà, chuối là 19.511.000 đồng

- Vàng 2,5 chỉ vàng 9999; Giá trị vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 01/3/2024) tương ứng với số tiền là 15.737.500đồng

Tổng số tiền bà L phải trả cho bà R là 115.670.500 đồng (*một trăm mười năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị L phải nộp 5.783.000đồng đồng.

Trong thời hạn 15 ngày: Bà Trần Thị R có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án. Bà Hoàng Thị L có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Thị Kim Thu**